

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 14 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai;



Căn cứ Quyết định số 37/2019/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5278/TTr-SNN ngày 16 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 08 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Điều 6 khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định.”

2. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 2 được sửa đổi như sau:

“2. Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn:

a) Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng góp Quỹ của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn (do Cục thuế tỉnh quản lý).

Thủ trưởng các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này và chuyển vào tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (số tài khoản của Quỹ được ghi tại Thông báo thu, gửi các đơn vị).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thu tiền đóng góp Quỹ của các tổ chức, hợp tác xã và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện, thành phố (do Chi cục thuế và Chi cục thuế khu vực quản lý) theo kế hoạch thu - nộp Quỹ của tỉnh hàng năm.

Thủ trưởng các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1, Điều 3 Quy định này và chuyển vào tài khoản của cấp huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.”

b) Bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan; Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ.”

3. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi như sau:

“Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, bao gồm:

a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai có giá trị nhỏ hơn 3 tỷ đồng/1 công trình.

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.”

4. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau:

“ Điều 7a. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh

1. Căn cứ nội dung chi tại khoản 1 Điều 7 Quy định này, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu Quỹ phòng, chống thiên tai nhưng tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ở cấp của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn xây dựng nội dung chi, mức chi và phê duyệt kinh phí được phân cấp tại khoản 1 Điều 7 Quy định này để thực hiện. Trường hợp vượt quá 20% trên tổng số thu tại địa phương Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp hỗ trợ kinh phí bổ sung.”



5. Điều 8 được sửa đổi như sau:

“1. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở của Nhân dân, công trình bị hư hỏng do thiên tai:

a) Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai;

b) Hỗ trợ người bị thương nặng do thiên tai gây ra tại nơi cư trú hoặc ngoài nơi cư trú được xem xét hỗ trợ theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 3.000.000 đồng/người.

c) Hỗ trợ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai được xem xét hỗ trợ 6.000.000 đồng/người.

d) Hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi, hư hỏng nặng do thiên tai, được xem xét hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

đ) Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, thiên tai được xem xét hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

e) Hỗ trợ thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến, mức hỗ trợ nước uống 40.000 đồng/người/ngày.

g) Hỗ trợ tu sửa trụ sở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê kè, cống và công trình phòng chống thiên tai, mức hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.

h) Đối với các trường hợp hỗ trợ chưa được quy định tại Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra, rà soát, tổng hợp, đề xuất cụ thể mức hỗ trợ cho từng đối tượng theo quy định của pháp luật, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Hỗ trợ chi phí thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP), cụ thể như sau:

Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu, quản lý quỹ, bao gồm: Chi tiền lương cho các Hợp đồng lao động làm việc tại Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh và đóng các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định; phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trực, chi tiền nhiên liệu đi công tác; chi trả các dịch vụ (điện, nước, điện thoại, internet, vệ sinh môi trường, tem thư, chuyển phát nhanh, phí đường bộ); chi tiếp khách; chi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ

chuyên môn nghiệp vụ; hội nghị, tập huấn, thuê mướn; dụng cụ văn phòng; văn phòng phẩm; chi phúc lợi (nước uống, khen thưởng khi thu vượt kế hoạch, hỗ trợ các ngày lễ, tết, hỗ trợ các tổ chức Đảng, đoàn thể); chi mua sắm, sửa chữa nâng cấp tài sản cố định phục vụ công tác; chi làm thêm giờ, chi nghiệp vụ chuyên môn và các chi phí khác cho đơn vị tỉnh, cấp huyện được giao nhiệm vụ trực tiếp thu Quỹ. Kinh phí chi hỗ trợ được lấy từ 3% tổng số thu Quỹ.

a) Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã giao bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch, nội dung, dự toán chi gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước 31/8 hàng năm để tổng hợp, phê duyệt.

b) Đối với cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện giao phòng, ban chuyên môn tổng hợp Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã, xây dựng nội dung, dự toán chi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước 30/9 hàng năm để tổng hợp, phối hợp Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Đối với cấp tỉnh: Giao Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh xây dựng kế hoạch, nội dung và dự toán chi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước 31/10 hàng năm, phối hợp Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Hỗ trợ để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai, dịch bệnh.

4. Hỗ trợ trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Căn cứ vào nhu cầu thực tế cần thiết mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; các địa phương thống kê nhu cầu, lập kế hoạch, dự toán kinh phí báo cáo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt; địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua sắm, trang bị theo quy định.

Việc chi hỗ trợ mua sắm trang bị phương tiện, thiết bị chỉ thực hiện sau khi đã ưu tiên chi hỗ trợ cho các hoạt động theo Quy định này.”

6. Khoản 1 Điều 9 được sửa đổi như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.”

7. Điểm c khoản 1 Điều 10 được sửa đổi như sau:

“c) Đối với kinh phí hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai có giá trị không quá 03 tỷ đồng/công trình: Ủy ban



nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán và quyết toán. Đối với công trình được hỗ trợ từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai và nhiều nguồn vốn khác, phải phân rõ các nguồn vốn được đầu tư cho công trình.

Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh căn cứ vào quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, quyết định phê duyệt dự toán sẽ chi tạm ứng 70% trên tổng số kinh phí được duyệt cho địa phương, phần còn lại sẽ cấp sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán. Công tác thanh, quyết toán xây dựng, sửa chữa công trình, thực hiện theo quy định về quyết toán công trình, dự án thuộc vốn ngân sách Nhà nước.”

8. Bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau:

“6. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

Điều 2. Sửa đổi cụm từ “tổ chức kinh tế hoạch toán độc lập” thành cụm từ “tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh” tại khoản 1 Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 4; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6; khoản 3 Điều 14 của Quy định về quản lý thu - nộp, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021. Các nội dung khác của Quy định về quản lý thu - nộp, sử dụng và quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Cục kiểm tra văn bản QPPL;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
 - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS.
- Điện KTNS (55b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức